

Bản án số: **03/2018/DS-PT**
Ngày 05 tháng 02 năm 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Lưu Hồ Loan**
- **Các Thẩm phán:** Ông **Hà Văn Chương**
Bà **Hoàng Thị Minh Khánh**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lương Hữu San** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:** Bà **Nguyễn Thúy Vân** - Kiểm sát viên Trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLPT- DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2017/DS - ST, ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ - PT, ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1973 và chị **Trần Thị O**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn X, xã V, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q có mặt, chị O vắng mặt không có lý do.

3. Người kháng cáo: Ông **Bùi Văn H** – Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Bùi Văn H** trình bày:*

Ngày 04/3/2015 ông cho vợ chồng anh **Nguyễn Văn Q** và chị **Trần Thị O** vay số tiền 136.000.000đồng, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của anh Q và chị O. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng (nhưng không ghi lãi suất trong giấy vay tiền) và từ ngày cho vay 04/3/2015 đến ngày 04/9/2015 không tính

lãi, bắt đầu tính lãi từ ngày 05/9/2015, không ghi cụ thể thời hạn trả tiền nhưng khi ông H có nhu cầu đòi tiền thì sẽ báo cho vợ chồng anh Q trước 10 ngày.

Anh Q, chị O cùng đến vay tiền và nói vay để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, anh chị có đưa cho ông O1 giấy tặng cho đất (viết tay) có chữ ký của mẹ anh Q là Hoàng Thị C viết và có xác nhận của Trưởng thôn X, xã V nhưng chưa qua cơ quan, tổ chức nào công chứng, chứng thực. Ông không yêu cầu giải quyết về giấy tặng cho đất này. Sau khi vay tiền được khoảng 01 tháng anh Q có trả cho ông 5.000.000đ tiền gốc, khi trả tiền hai bên không viết giấy biên nhận trả tiền. Quá thời hạn vay ông đã yêu cầu nhưng anh Q, chị O không trả tiền cho ông. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị O phải trả cho ông số tiền gốc là 131.000.000đ và tiền lãi là 64.850.000đ, tổng cộng 195.850.000đ.

Số tiền lãi được tính như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (hiện đang có hiệu lực thi hành) lãi suất là 20%/năm; số tiền gốc 131.000.000đ x 20%/năm = 26.200.000đ tiền lãi của năm thứ nhất (từ ngày 04/9/2015 đến ngày 04/9/2016); lãi của năm thứ hai (từ ngày 04/9/2016 đến ngày 04/9/2017): 131.000.000đ + 26.200.000đ = 157.200.000đ x 20% = 31.440.000đ cộng gốc và lãi năm đầu 157.200.000đ = 188.640.000đ x 20% = 37.728.000đ : 365 ngày = 103.000đ tiền lãi/ ngày; thời gian còn lại là 70 ngày (tính đến ngày 14/11/2017) x 103.000đ = 7.210.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 195.850.000đ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Đầu năm 2015 anh có vay tiền của ông H số tiền 100.000.000đ, hai bên thỏa thuận anh là người vay tiền nên anh sẽ tự trả tiền cho ông H, ông H là người trực tiếp viết giấy vay tiền, khi đưa tiền cho anh ông H có yêu cầu vợ anh (là chị Trần Thị O) phải có mặt nên anh gọi vợ anh đến ký giấy vay tiền. Khi ký giấy vay tiền anh có đọc nội dung nhưng do cần tiền nên anh nhất trí ký giấy vay tiền, số tiền vay ghi trong giấy là 136.000.000đ nhưng thực tế ông H chỉ đưa cho anh 100.000.000đ, còn số tiền 36.000.000đ là ông H tính lãi trước rồi ghi vào, anh cũng không hỏi ông H về mức lãi suất cũng như thời hạn trả tiền, việc vay tiền không có ai chứng kiến. Ông H có bảo anh khi nào trả thì trả 136.000.000đ, mục đích anh vay tiền để đi đánh bạc nên vợ anh không liên quan. Đến 09/6/2015 anh bị bắt về tội Đánh bạc và bị Tòa án nhân dân huyện Na Hang xử phạt 30 tháng tù, anh ra trại vào ngày 09/6/2017. Nay ông H kiện anh và vợ anh (chị Trần Thị O) phải trả tiền, anh đề nghị Tòa án giải quyết giữa anh và ông H, số tiền này không liên quan đến chị O.

Khi vay tiền anh có đưa cho ông H 01 giấy tặng cho đất của mẹ anh (bà Hoàng Thị C) viết nhưng chưa qua cơ quan, tổ chức nào công chứng, chứng thực nên không có giá trị, anh không yêu cầu ông H phải trả lại cho anh giấy này. Sau khi vay tiền anh đã trả cho ông H 5.000.000đ tiền gốc, khi trả tiền cũng không có ai chứng kiến, anh không có tài liệu gì khác để chứng minh chỉ vay ông H 100.000.000đ. Anh không nhất trí việc ông H yêu cầu vợ chồng anh phải trả tổng số tiền gốc và lãi 195.850.000đ vì anh chỉ vay số tiền gốc 100.000.000đ và đã trả 5.000.000đ tiền gốc, còn lại 95.000.000đ. Anh chỉ đồng ý một mình anh trả cho ông H số tiền còn lại 95.000.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng quy định.

Bị đơn chị Trần Thị O trình bày:

Ngày 04/3/2015, chị có đến nhà ông Bùi Văn H ở thôn N, xã V ký Giấy vay tiền, giấy này do ông H viết, chị chỉ nghe thấy chồng chị là anh Nguyễn Văn Q gọi chị lên ký. Trước khi ký chị không được đọc nội dung và khi ký thì cả hai vợ chồng chị cùng ký. Chị được đếm số tiền ông H giao cho vợ chồng chị chỉ có 100.000.000đ, các tờ tiền đều có mệnh giá 100.000đ, ngoài ra không có mệnh giá khác. Sau khi vay tiền anh Q là người sử dụng chứ chị không sử dụng. Nay ông H khởi kiện yêu cầu cả hai vợ chồng chị phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông H thì chị không nhất trí, đề nghị chỉ một mình chồng chị có trách nhiệm trả không liên quan đến chị. Do phải đi làm nên chị đề nghị được vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và phiên tòa.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân thành phố T thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2017/DS – ST, ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H. Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn H số tiền gốc là 131.000.000 đồng và tiền lãi là 25.807.000đồng. Cộng cả tiền gốc và lãi là 156.807.000đồng.

Chia theo phần, anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn H số tiền 78.403.500đồng, chị Trần Thị O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn H số tiền 78.403.500đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2017 và 04/12/2017 nguyên đơn ông Bùi Văn H có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí phần quyết định của Bản án sơ thẩm về tính lãi suất đối với khoản tiền vay. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi cho ông.

1. Về cách tính thời gian sai: Ngày 04/3/2015 vợ chồng anh Q, chị O vay tiền của ông là 02 năm 70 ngày nhưng Bản án sơ thẩm tính 02 năm 68 ngày.

2. Về lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 tại khoản 1 đã ghi rõ lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm.

3. Trong hợp đồng vay tiền có ghi lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi rõ 3%/tháng, nhưng 136 triệu đồng vay là đã tính lãi 3%/tháng vào gốc nhưng thỏa thuận 06 tháng không tính lãi. Tôi đã làm đúng thỏa thuận 06 tháng không tính lãi.

4. Do có thỏa thuận nên 5 triệu trả trong thời hạn 06 tháng được coi là trả gốc nên được trừ vào 136 triệu còn gốc là 131 triệu đồng.

5. Sự việc vay thỏa thuận bằng 36%/năm vượt quá quy định của luật có giá trị 11 tháng nên tôi phải tính theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm.

6. Do luật quy định lãi suất 20%/năm cho nên mỗi năm tôi tính lãi một lần, số lãi được cộng vào gốc hàng năm là đúng Luật dân sự.

7. Tôi vay Ngân hàng phải trả lãi hàng tháng, nếu chậm phải nộp phạt 150%.

8. Tòa tuyên án lại vận dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là lãi suất cơ bản 9%/năm là xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của tôi.

9. Khi xử án Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực hơn 11 tháng tại sao lại vận dụng luật 2005 mà không làm theo điều luật năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/1/2017 làm thiệt hại quyền hợp pháp.

10. Về lãi suất chậm trả Bản án tuyên phải trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là xâm phạm quyền lợi ích chính đáng của tôi. Vì lãi suất chậm trả phải tính theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mới đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Bùi Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo (trong đơn kháng cáo) và bổ sung yêu cầu đề nghị tính thêm phần lãi từ ngày xét xử sơ thẩm 14/11/2017 đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 19/01/2018 là $65 \text{ ngày} \times 103.000\text{đ}/\text{ngày} = 6.659.000\text{đ}$. Tổng số tiền yêu cầu anh Q, chị O phải trả là 202.545.000đ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q không nhất trí với cách tính lãi suất theo yêu cầu của ông H, đề nghị chỉ tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của pháp luật, anh chỉ nhất trí trả cho ông H số tiền nợ gốc là 95.000.000đ.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trình tự thủ tục giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn H là hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của ông H là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 91/2017/DS – ST, ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn H: Ông cho rằng thời gian tính lãi là 2 năm 70 ngày nhưng bản án sơ thẩm tính 2 năm 68 ngày là sai; việc tính lãi phải được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2017) quy định lãi suất 20%/năm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi làm thiệt hại quyền lợi của ông; lãi suất chậm trả cấp sơ thẩm áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 là không đúng phải áp dụng theo khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 mới đúng; mỗi năm tính lãi một lần và số lãi phải được cộng vào tiền gốc hàng năm là đúng Bộ Luật dân sự. Đề nghị tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/11/2017 đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm

ngày 19/1/2018: $65 \text{ ngày} \times 103.000\text{đ}/\text{ngày} = 6.695.000\text{đ}$, tổng cộng số tiền anh Q chị O phải trả 202.545.000đ.

Xét thấy: Ngày 04/3/2015 anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị O ký “Giấy vay tiền có thể chấp tài sản” vay ông Bùi Văn H số tiền 136.000.000đ, hai bên thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền “...từ tháng ngày 4/3/2015 đến ngày 04/9/2015 không tính lãi. Sau ngày tháng đó sẽ tính lãi theo thỏa thuận. Khi cần gốc ông H sẽ báo trước 10 ngày...”. Theo giấy vay hai bên không ghi mức lãi suất và thời hạn trả cụ thể; hai bên thừa nhận (tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm) sau khi vay anh Q đã trả cho ông H số tiền 5.000.000đ được trừ vào số tiền gốc đã vay, số nợ còn lại chưa trả vì vậy ông H khởi kiện đòi anh Q và chị O phải trả số tiền nợ gốc 131.000.000đ và tiền lãi 64.850.000đ tổng cộng 195.850.000đ.

Về việc áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ án: Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2017; tại điểm c, khoản 1 Điều 688 (Điều khoản chuyển tiếp) quy định “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”. Hợp đồng vay tài sản giữa ông Bùi Văn H và anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị O ký ngày 04/3/2015 thực hiện xong trước ngày 01/1/2017 (ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành) do vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về thời gian tính lãi: Theo nội dung ghi trong giấy vay tiền từ ngày 4/3/2015 đến ngày 04/9/2015 không tính lãi, như vậy lãi được tính bắt đầu từ ngày 05/9/2015 đến ngày 5/9/2017 thời gian là 2 năm; từ ngày 06/9/2017 đến ngày 14/11/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) thời gian 2 tháng 8 ngày. Cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi 02 năm 02 tháng 08 ngày là có căn cứ.

Về tính lãi suất: Giấy vay tiền chỉ ghi “sẽ tính lãi theo thỏa thuận” không có mức lãi suất cụ thể vì vậy quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự có tranh chấp về mức lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 “Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”. Như vậy lãi suất được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam 9%/năm, có hiệu lực từ ngày 01/12/2010 để tính lãi là có căn cứ. Lãi được tính:

$$131.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 2 \text{ năm} = 23.580.000\text{đ}$$

$$131.000.000\text{đ} \times (9\%/\text{năm} = 0,75\%/\text{tháng}) \times 2 \text{ tháng} = 1.965.000\text{đ}$$

$$(131.000.000\text{đ} \times 0,75\%/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 32.750\text{đ}) \times 08 \text{ ngày} = 262.000\text{đ}. \text{ Cộng lãi: } 25.807.000\text{đ}. \text{ Tổng cộng gốc và lãi } 156.807.000\text{đ}$$

Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền phải trả (tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm): Cấp sơ thẩm áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “bên vay phải trả lãi trên nợ gốc”, như vậy ông H chỉ được yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc anh Q chị O vay còn nợ lại là 131.000.000đ, việc ông đề nghị mỗi năm tính lãi một lần và số lãi phải được cộng vào tiền gốc hàng năm là trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Yêu cầu của ông H đề nghị tính lãi suất từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/11/2017 đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm ngày 19/01/2018 là: $65 \text{ ngày} \times 103.000\text{đ/ngày} = 6.695.000\text{đ}$ là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ buộc anh Q chị O có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc và lãi tổng cộng là 156.807.000đ.

{2}. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm (là người cao tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; 474; 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị Quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ như sau: Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn H số tiền gốc là 131.000.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu đồng*) và tiền lãi là 25.807.000đ (*Hai mươi lăm triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*). Cộng cả tiền gốc và lãi là 156.807.000đ (*Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*).

Chia theo phần, anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn H số tiền 78.403.500đ (*Bảy mươi tám triệu bốn trăm linh ba nghìn năm trăm đồng*), chị Trần Thị O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn H số tiền 78.403.500đ (*Bảy mươi tám triệu bốn trăm linh ba nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông Bùi Văn H cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/02/2018).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Hồ Loan